

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21/9/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Tha

Ông Nguyễn Lon

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 237/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nhật T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn TB, xã N1, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T1, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn TB, xã N1, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhật T trình bày: Bà và ông Nguyễn Duy T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, đến năm 2003 mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N1 cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, khoảng từ tháng 7 năm 2019 đến nay vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T1 đi làm xa và có quan hệ trai gái lăng nhăng, không chung thủy với vợ con, không còn quan tâm đến gia đình. Ngoài ra ông T1 còn có tính rượu chè, mỗi lần nhậu

say về nhà là vô cớ đánh đập bà và đập phá đồ đạc trong nhà. Bà đã cố gắng chịu đựng, khuyên nhủ để ông T1 thay đổi tính tình và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T1 không thay đổi. Nay bà nhận thấy vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không còn tình cảm, quan tâm đến nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có 02 con chung là Nguyễn Duy Tr, sinh ngày 03/5/1997 và Nguyễn Thị Nhật U, sinh ngày 02/9/1999. Các con đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Duy T1: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục triệu tập, xác minh, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với ông T1 nhưng ông T1 không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai và ý kiến của ông Nguyễn Duy T1 đối với các vấn đề cần giải quyết của vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được gồm: Trích lục kết hôn; trích lục khai sinh Nguyễn Thị Nhật U và Nguyễn Duy Tr; bản photo chứng minh nhân dân Nguyễn Thị Nhật T, bản photo sổ hộ khẩu Nguyễn Duy T1; biên bản lấy lời khai Nguyễn Thị Nhật T; biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Nhật T và ông Nguyễn Duy T1.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Nhật T được ly hôn với ông Nguyễn Duy T1; về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung là Nguyễn Duy Tr, sinh ngày 03/5/1997 và Nguyễn Thị Nhật U, sinh ngày 02/9/1999. Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Nhật T xác định không có nợ chung, tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Duy T1 cư trú tại thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nhật T và ông Nguyễn Duy T1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N1, thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54, ngày 22 tháng 7 năm 2003 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà T và ông T1 phát sinh mâu thuẫn do ông T1 thường say xỉn về nhà đánh đập vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà và không còn chung thủy, không quan tâm đến gia đình. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không còn yêu thương nhau. Bà T xác định không còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu ly hôn với ông T1. Bị đơn ông Nguyễn Duy T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ ông T1 có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với bà T. Như vậy có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Nhật T và ông Nguyễn Duy T1 có 02 con chung là Nguyễn Duy Tr, sinh ngày 03/5/1997 và Nguyễn Thị Nhật U, sinh ngày 02/9/1999. Các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Nhật T xác định không có nợ chung, tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nhật T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nhật T được ly hôn ông Nguyễn Duy T1.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Nhật T và ông Nguyễn Duy T1 có 02 con chung là Nguyễn Duy Tr, sinh ngày 03/5/1997 và Nguyễn Thị Nhật U, sinh ngày 02/9/1999. Các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Nhật T xác định không có nợ chung, tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nhật T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0009439 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà Nguyễn Thị Nhật T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã N1 (GCNKH số 54 ngày 27/7/2003);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Quỳnh Trang